

Biểu mẫu 07

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN CÚ CHI
TRƯỜNG TH TÂN THANH ĐÔNG

THÔNG BÁO**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	30	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	24	-
2	Phòng học bán kiên cố	6	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	10.551	9,1
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3632	3,13
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	56	1,4
2	Diện tích thư viện (m ²)	88	2,2
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)		
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	86	2,15
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	86	0
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	28	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	44	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	24	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	24	
1.1	Khối lớp 1	6	
1.2	Khối lớp 2	6	
1.3	Khối lớp 3	6	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1.4	Khối lớp 4	0	
1.5	Khối lớp 5	6	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	6	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	6	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	0	0
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	28	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Máy tính xách tay	01	
6	Máy photo copy	01	
7	Nhạc cụ (đàn organ)	01	
8	Dàn âm thanh	02	
7	Máy tính bảng	01	
6	Máy in	08	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	30
XI	Nhà ăn	150

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	86		0,08
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		12		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		0

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Củ Chi, ngày 05 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Thu Mai